

"""

Educational Knowledge Base for LLM Context

Provides domain-specific knowledge about Vietnamese education system and scoring standards.

"""

EDUCATIONAL\_KNOWLEDGE = """

# KIẾN THỨC NỀN VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC VIỆT NAM

## 1. THANG ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI HỌC LỰC

### Thang điểm: 0-10

- 0-2: Kém, cần cải thiện nghiêm túc
- 2-3.5: Yếu, cần nỗ lực nhiều hơn
- 3.5-5: Trung bình yếu, cần tập trung học tập
- 5-6.5: Trung bình, đạt yêu cầu cơ bản
- 6.5-8: Khá, thành tích tốt
- 8-9: Giỏi, xuất sắc
- 9-10: Xuất sắc, rất ưu tú

### Điểm trung bình (GPA):

- < 5.0: Yếu - Cần cải thiện toàn diện
- 5.0-6.4: Trung bình - Đạt chuẩn
- 6.5-7.9: Khá - Tốt
- 8.0-8.9: Giỏi - Rất tốt
- 9.0-10: Xuất sắc - Ưu tú

## 2. CÁC MỐC QUAN TRỌNG

### Điểm chuẩn đại học (tham khảo):

- Ngành Y: 27-29/30 (trung bình 9.0-9.7/môn)
- Ngành kỹ thuật hàng đầu: 24-27/30 (trung bình 8.0-9.0/môn)
- Các trường top: 20-24/30 (trung bình 6.7-8.0/môn)
- Đại học công lập phổ thông: 15-20/30 (trung bình 5.0-6.7/môn)

### Mục tiêu thực tế theo năng lực:

- Học sinh yếu (< 5): Mục tiêu đạt 5.0-6.0 (tăng 1-2 điểm)
- Học sinh trung bình (5-6.5): Mục tiêu đạt 7.0-7.5 (tăng 1-1.5 điểm)
- Học sinh khá (6.5-8): Mục tiêu đạt 8.5-9.0 (tăng 0.5-1 điểm)
- Học sinh giỏi (8-9): Mục tiêu duy trì hoặc đạt 9.5+ (tăng 0.5 điểm)

### ## 3. XU HƯỚNG VÀ PHÂN TÍCH

### Đánh giá xu hướng:

- Tăng 0.5+ điểm: Tiến bộ tốt, duy trì phương pháp
- Tăng 0.2-0.5: Tiến bộ ổn định
- Không đổi ( $\pm 0.2$ ): Ổn định, cần động lực mới
- Giảm 0.2-0.5: Cảnh báo, cần xem xét lại
- Giảm > 0.5: Cần can thiệp khẩn cấp

### Phân tích điểm môn:

- Chênh lệch > 2 điểm giữa các môn: Mất cân bằng, cần điều chỉnh
- Điểm lý thuyết cao, thực hành thấp: Thiếu vận dụng
- Điểm dao động mạnh: Thiếu ổn định, cần củng cố nền tảng

## ## 4. KHỐI THI VÀ TỔ HỢP MÔN

### ### Khối thi chính:

- \*\*A00\*\* : Toán, Lý, Hóa - Khối tự nhiên cơ bản
- \*\*A01\*\* : Toán, Lý, Anh - Kỹ thuật quốc tế
- \*\*B00\*\* : Toán, Hóa, Sinh - Y dược, sinh học
- \*\*C00\*\* : Văn, Sử, Địa - Khoa học xã hội
- \*\*D01\*\* : Toán, Văn, Anh - Kinh tế, ngôn ngữ
- \*\*D07\*\* : Toán, Hóa, Anh - Công nghệ thực phẩm
- \*\*D14\*\* : Toán, Văn, GD&ĐT - Luật

### ### Đánh giá theo khối:

- Khối A: Cần tư duy logic, kỹ năng tính toán
- Khối B: Cần khả năng ghi nhớ, phân tích
- Khối C: Cần tư duy phản biện, văn phong
- Khối D: Cần cân bằng giữa lý thuyết và ứng dụng

## ## 5. LỜI KHUYÊN THEO BỐI CẢNH

### ### Khi điểm thấp:

- Tập trung vào nền tảng, không vội vàng
- Ưu tiên 2-3 môn yếu nhất
- Tạo thói quen học đều đặn
- Tìm người hướng dẫn hoặc nhóm học

### ### Khi điểm trung bình:

- Phát triển thế mạnh, củng cố điểm yếu

- Tăng cường luyện đề, bài tập nâng cao
- Xác định rõ mục tiêu đại học

### Khi điểm cao:

- Duy trì ổn định, tránh chủ quan
- Học sâu, mở rộng kiến thức
- Hướng tới các kỳ thi học sinh giỏi
- Cân bằng học tập và phát triển kỹ năng mềm

## ## 6. SO SÁNH VỚI MẶT BẰNG CHUNG

### Đánh giá vị trí:

- Trên trung bình: GPA > 6.5
- Trung bình: GPA 5.0-6.5
- Dưới trung bình: GPA < 5.0

## ## 7. DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý

### Dấu hiệu tích cực:

- Xu hướng tăng đều qua các học kỳ
- Điểm cân bằng giữa các môn
- Điểm thực tế gần với dự đoán (cho thấy ổn định)

### Dấu hiệu cần cải thiện:

- Xu hướng giảm liên tục
- Chênh lệch lớn giữa các môn
- Điểm thực tế thấp hơn nhiều so với dự đoán

- Điểm dao động mạnh (thiếu ổn định)

## ## 8. NGUYÊN TẮC TƯ VẤN

1. **Thực tế**: Dựa trên dữ liệu cụ thể, không chung chung
2. **Khích lệ**: Luôn tìm điểm tích cực, động viên
3. **Cụ thể**: Đưa ra hành động rõ ràng, có thể làm được
4. **Cân bằng**: Vừa chỉ ra vấn đề, vừa đưa giải pháp
5. **Tôn trọng**: Hiểu rằng mỗi học sinh có hoàn cảnh riêng

|||||